

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/10/2019

"V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Ngọc** và bà **Đỗ Thị Hân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Hà**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: Ông **Cao Đức Hùng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố M mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/HPT-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Khắc T**, sinh năm: 1988

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Xóm xx, thôn L, xã Đ, huyện Kh, tỉnh H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị **Vũ Thị Ng**, sinh năm: 1992

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Khắc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị Ng chung sống và đăng ký kết hôn năm 2013, (Giấy chứng nhận kết hôn số 20 - quyền số 01) tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Kh, tỉnh Hưng Yên, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đầm ấm, hạnh phúc đến đầu năm 2014 do chị Nga có quan hệ ngoài vợ ngoài chồng nhưng xác định cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng sống xa nhau để suy nghĩ và có quyết định đúng đắn cho thời gian chung sống tiếp theo. Tuy nhiên sau 03 tháng thì anh và chị Nga quyết định không về đoàn tụ. Anh và chị Ng chính thức ly thân từ cuối năm 2014 đến

nay. Gia đình nội ngoại hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị Ng.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Vũ Thị Ng không có con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về các khoản nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên Tòa cùng các văn bản tố tụng cho chị Vũ Thị Ng. Các văn bản tố tụng trên đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về giao nhận văn bản, chị Ng biết thời gian tham gia tố tụng nhưng không chấp hành.

Qua việc tổng đạt các văn bản tố tụng được biết: Chị Ng hiện đang đi làm ăn xa, không về được và có thông tin lại qua bố để chị Ng là ông Vũ Đức D nội dung thông tin thể hiện: Quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, khoản nợ chung như nội dung anh T trình bày là đúng; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là đúng và hai người đã sống ly thân từ năm 2014 không còn sự yêu thương quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nay chị Ng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh T; con chung, tài sản chung và các khoản nợ chung không có (nội dung trên được ghi nhận lại qua Biên bản lấy lời khai của ông Vũ Đức D ngày 28/8/2019 tại nhà văn hóa khu x phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh). Ông D cũng xác nhận: Ngày 05/7/2019, anh T có thực hiện gửi cho chị Ng bản phô tô đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo ông đã nhận được và gửi cho con gái ông.

Quá trình giải quyết vụ án anh T đã cung cấp các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy chung nhận kết hôn (01 bản chính); Sổ hộ khẩu (02 bản sao); Hộ chiếu (01 bản sao); Giấy thông hành xuất nhập cảnh (01 bản sao); Phiếu chuyển EMS (01 bản chính); Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án (01 bản chính).

Chứng cứ do Tòa án thu thập là: Biên bản xác minh tại khu x, phường H, thành phố M; Biên bản về việc không lấy được lời khai của đương sự chị Vũ Thị Ng; Biên bản lấy lời khai của ông Vũ Đức D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- + Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật;

- + Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Khắc T

+ Về tình cảm: Xử cho anh Phạm Khắc Tuyên được ly hôn với chị Vũ Thị Nga.

+ Về con chung, tài sản chung, khoản nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được công bố công khai tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án* Anh Phạm Khắc T và chị Vũ Thị Ng là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; anh T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Ng nên thuộc trường hợp “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”; bị đơn chị Vũ Thị Ng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu x, phường H, thành phố M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố M là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- *Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đại diện gia đình bị đơn xác nhận bị đơn hiện đang đi làm xa không đến Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bị đơn cũng đồng ý ly hôn; Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo qui định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được tiếp cận các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M; anh T đã thực hiện việc gửi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho chị Nga thể hiện tại phiếu gửi EMS ngày 05/7/2019.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn*: Tòa án đã tiến hành triệu tập 02 lần đối với chị Vũ Thị Ng và thực hiện giao gửi nhiều lần văn bản đối với chị Ng, đại diện gia đình chị Ng đã xác nhận vẫn giao gửi các văn bản cho chị Ng. Do đó, việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng qui định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Khắc T, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của anh Phạm Khắc T và chị Vũ Thị Ng là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có sự quan tâm, chia sẻ dẫn đến ly thân từ cuối năm 2014 đến nay, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; sự việc mâu thuẫn đã kéo dài từ năm 2014.

Từ đó cho thấy, thực trạng cuộc sống chung giữa vợ chồng anh chị T, Ng không có hạnh phúc, hôn nhân thực tế không còn tồn tại. Nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn chị Ng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh T; xử cho anh Phạm Khắc T được ly hôn chị Vũ Thị Ng.

- Về con chung: Các đương sự không có con chung, nên không xét.
- Về tài sản chung và khoản nợ chung: Anh T trình bày không có nên không xét.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Đây là vụ án dân sự sơ thẩm (ly hôn) không có giá ngạch, nên cần buộc nguyên đơn anh Phạm Khắc T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Khắc T về việc “Tranh chấp về hôn nhân gia đình”.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Phạm Khắc T được ly hôn với chị Vũ Thị Ng.

Do đó, Giấy chứng nhận kết hôn số 20 - quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Kh, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 15/4/2013 không còn giá trị pháp lý

2. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Buộc anh Phạm Khắc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001446 ngày 22/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M. Anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. *Về quyền kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố M;
- UBND xã Đ, huyện Kh, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Ấn văn + Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương